

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc độ sâu Khu neo đậu tàu trên sông Hậu

ANG - 03 - 2019

Vùng biển: Tỉnh An Giang

Tên luồng: Luồng Hàng hải Định An - Sông Hậu

Căn cứ đơn đề nghị số 212/CVHHAG-PCTTATANHH ngày 24/4/2019 của Cảng vụ Hàng hải An Giang về việc công bố thông báo hàng hải độ sâu Khu neo đậu tàu trên sông Hậu thuộc vùng nước cảng biển do Cảng vụ Hàng hải An Giang quản lý và theo đề nghị của trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo: Trong phạm vi khảo sát Khu neo đậu tàu trên sông Hậu thuộc vùng nước cảng biển do Cảng vụ Hàng hải An Giang quản lý, độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0 Hải đồ" như sau:

1. Khu vực 1: Được xác định bằng các điểm có tọa độ trong bảng sau:

STT	Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS-84	
		Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
1	N1	10°20'40,05"N	105°28'24,29"E	10°20'36,40"N	105°28'30,73"E
2	N2	10°20'43,29"N	105°28'27,75"E	10°20'39,65"N	105°28'34,19"E
3	N3	10°20'49,43"N	105°28'21,87"E	10°20'45,79"N	105°28'28,30"E
4	N4	10°20'46,19"N	105°28'18,41"E	10°20'42,54"N	105°28'24,85"E
5	N5	10°20'52,33"N	105°28'12,53"E	10°20'48,68"N	105°28'18,96"E
6	N6	10°20'55,57"N	105°28'15,99"E	10°20'51,93"N	105°28'22,42"E
7	N7	10°20'57,64"N	105°28'14,00"E	10°20'53,99"N	105°28'20,44"E
8	N8	10°20'54,39"N	105°28'10,55"E	10°20'50,75"N	105°28'16,98"E
9	N9	10°21'01,00"N	105°28'04,21"E	10°20'57,36"N	105°28'10,64"E
10	N10	10°21'04,25"N	105°28'07,67"E	10°21'00,61"N	105°28'14,10"E
11	N11	10°21'06,19"N	105°28'05,37"E	10°21'02,55"N	105°28'11,80"E
12	N12	10°21'02,99"N	105°28'00,81"E	10°20'59,35"N	105°28'07,25"E
13	N13	10°21'10,95"N	105°27'55,10"E	10°21'07,30"N	105°28'01,53"E
14	N14	10°21'14,15"N	105°27'59,65"E	10°21'10,51"N	105°28'06,08"E
15	N15	10°21'22,11"N	105°27'53,94"E	10°21'18,47"N	105°28'00,37"E
16	N16	10°21'18,90"N	105°27'49,38"E	10°21'15,26"N	105°27'55,82"E
17	N17	10°19'50,27"N	105°29'10,87"E	10°19'46,62"N	105°29'17,30"E

18	N18	10°19'54,08"N	105°29'14,92"E	10°19'50,43"N	105°29'21,35"E
19	N19	10°19'46,52"N	105°29'22,16"E	10°19'42,88"N	105°29'28,59"E
20	N20	10°19'42,71"N	105°29'18,11"E	10°19'39,07"N	105°29'24,54"E
21	N21	10°21'23,81"N	105°27'44,60"E	10°21'20,17"N	105°27'51,03"E
22	N22	10°21'27,30"N	105°27'49,75"E	10°21'23,66"N	105°27'56,18"E
23	N23	10°21'36,57"N	105°27'43,34"E	10°21'32,93"N	105°27'49,77"E
24	N24	10°21'33,07"N	105°27'38,19"E	10°21'29,43"N	105°27'44,62"E
25	N25	10°21'42,34"N	105°27'31,77"E	10°21'38,69"N	105°27'38,21"E
26	N26	10°21'45,83"N	105°27'36,93"E	10°21'42,19"N	105°27'43,36"E

- Độ sâu nhỏ nhất đạt từ 4,38m.

2. Khu vực 2: Được xác định bằng các điểm có tọa độ trong bảng sau:

STT	Tên điểm	Hệ VN 2000		Hệ WGS-84	
		Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
1	N27	10°21'18,53"N	105°28'15,28"E	10°21'14,89"N	105°28'21,71"E
2	N28	10°21'12,59"N	105°28'08,96"E	10°21'08,95"N	105°28'15,40"E
3	N29	10°21'02,21"N	105°28'18,92"E	10°20'58,56"N	105°28'25,35"E
4	N30	10°21'08,14"N	105°28'25,24"E	10°21'04,50"N	105°28'31,67"E
5	N31	10°20'57,75"N	105°28'35,19"E	10°20'54,11"N	105°28'41,63"E
6	N32	10°20'51,82"N	105°28'28,88"E	10°20'48,18"N	105°28'35,31"E
7	N33	10°19'52,25"N	105°29'25,73"E	10°19'48,61"N	105°29'32,16"E
8	N34	10°19'58,53"N	105°29'32,41"E	10°19'54,88"N	105°29'38,84"E
9	N35	10°19'46,48"N	105°29'43,94"E	10°19'42,84"N	105°29'50,38"E
10	N36	10°19'40,21"N	105°29'37,27"E	10°19'36,57"N	105°29'43,70"E

- Độ sâu nhỏ nhất đạt từ 10,41m.

Số liệu thông báo nêu trên căn cứ báo cáo khảo sát địa hình số 20/2019/KSDH kèm theo các bình đồ độ sâu ký hiệu KNDTSH-01 đến KNDTSH-04 tỷ lệ 1/2000, do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải đo đạc hoàn thành tháng 6 năm 2019.

Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Cảng vụ Hàng hải An Giang./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải An Giang;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P. ATHH_{Bình}

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

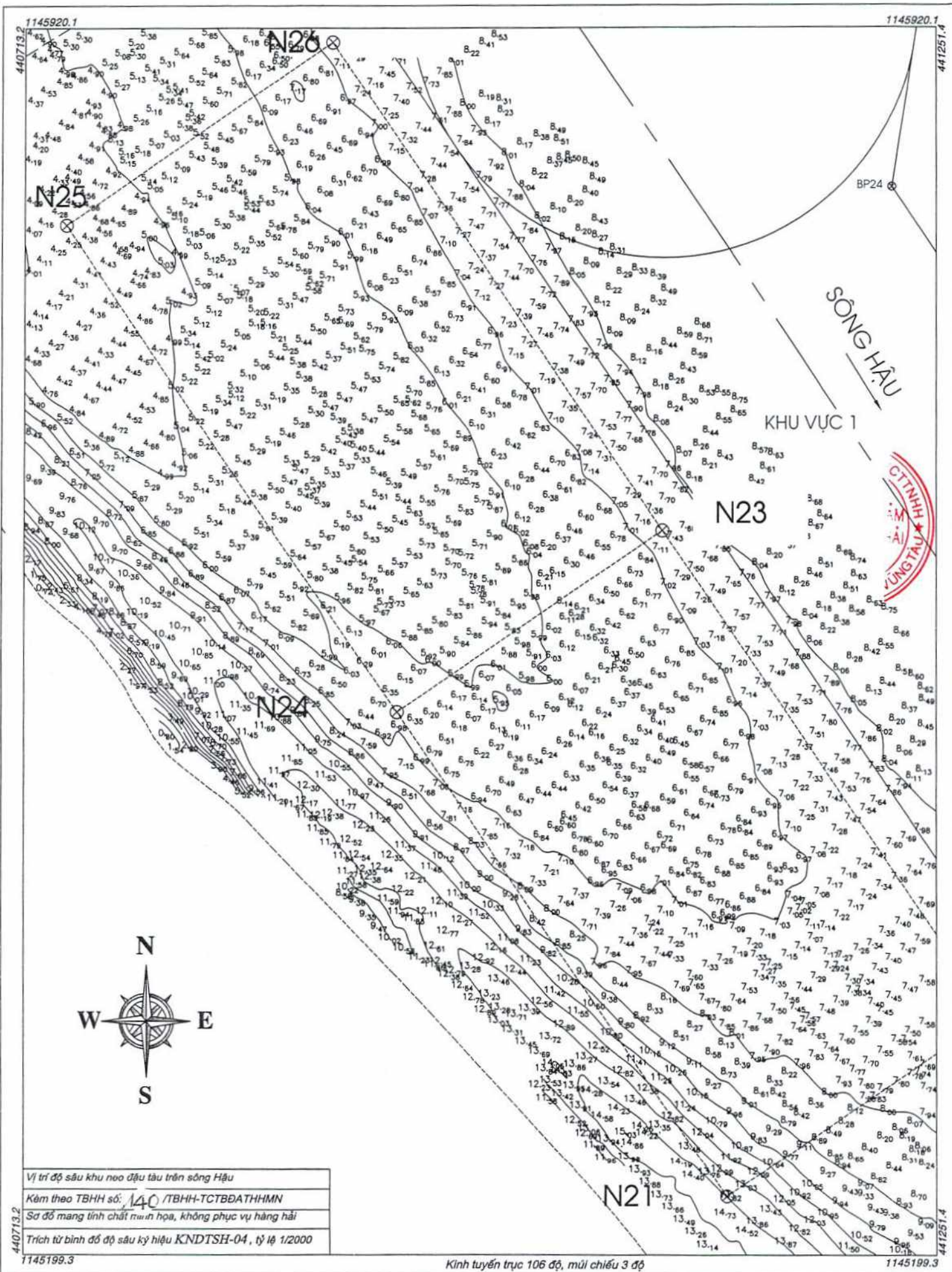


Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 5 Cục Cảnh sát biển
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Cổ phần hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Công ty CP Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty Cổ phần hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Hiệp hội Cảng biển Việt Nam
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 11 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 12 Đài Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 13 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 Cty Bảo đảm ATHH Tây Nam Bộ
- 23 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 24 Chi nhánh TCT BDATHHMN tại TPHCM
- 25 Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS)
- 26 Công ty Vitaco
- 27 Cảng Sài Gòn
- 28 Cty TNHH MTV hoa tiêu KV V
- 29 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 30 Sở GTVT các tỉnh:
 - Trà Vinh
 - Cần Thơ
 - Hậu Giang
- 31 Sở NN&PTNT các tỉnh:
 - Trà Vinh
 - Cần Thơ
 - Hậu Giang
- 32 Đài thông tin Duyên hải Cần Thơ
- 33 Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh

101376
ING
BẢO Đ
HÀNG
NAM
BARIA



Vị trí độ sâu khu neo đậu tàu trên sông Hậu

Kèm theo TBHH số: 140 /TBHH-TCTBĐATHMN

Sơ đồ mang tính chất tư vấn, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu KNDTSH-04, tỷ lệ 1/2000

Kinh tuyến trực 106 độ, mũi chiếu 3 độ